

Phụ lục VIII

BẢNG GIÁ MỘT SỐ LOẠI ĐẤT CHÍNH PHỦ KHÔNG QUY ĐỊNH KHUNG GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND,
ngày tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Bến Tre)

STT	Loại đất	Giá đất
1	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Được tính bằng với giá đất rừng sản xuất theo từng khu vực và vị trí tương ứng.
2	Đất nông nghiệp khác	Được tính bằng với giá đất trồng cây lâu năm theo từng khu vực và vị trí tương ứng
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Được tính bằng 70% giá đất ở theo từng khu vực và vị trí tương ứng.
4	Đất quốc phòng,	
5	Đất an ninh	
6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; Đất xây dựng cơ sở văn hóa; Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội; Đất xây dựng cơ sở y tế; Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo; Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao; Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ; Đất xây dựng cơ sở ngoại giao; Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác.	
7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	
8	Đất có mục đích công cộng: Đất giao thông; Đất thủy lợi; Đất có di tích lịch sử - văn hóa; Đất danh lam, thắng cảnh; Đất sinh hoạt cộng đồng; Đất vui chơi, giải trí công cộng; Đất công trình năng lượng; Đất công trình bưu chính, viễn thông; Đất chợ; Đất bãi thải, xử lý chất thải; Đất công trình công cộng khác; Đất phi nông nghiệp khác.	- Trường hợp sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh: Được tính bằng giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo từng khu vực và vị trí tương ứng. - Trường hợp sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ: Được tính bằng giá đất thương mại dịch vụ theo từng khu vực và vị trí tương ứng.
9	Đất cơ sở tôn giáo	Được tính bằng 70% giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo từng khu vực và vị trí tương ứng.
10	Đất cơ sở tín ngưỡng	
11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	Được tính bằng 70% cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo từng khu vực và vị trí tương ứng.
12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch và mặt nước chuyên dùng	
-	Sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản	Bằng với giá đất nuôi trồng thủy sản theo từng khu vực, từng vị trí tương ứng
-	Sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ	- Trường hợp sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh: Được tính bằng giá đất cơ sở sản

		<p>xuất phi nông nghiệp theo từng khu vực và vị trí tương ứng.</p> <p>- Trường hợp sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ: Được tính bằng giá đất thương mại dịch vụ theo từng khu vực và vị trí tương ứng.</p>
13	Đất chưa sử dụng	Tính theo giá đất của loại đất đưa vào sử dụng khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất